

**KẾ HOẠCH
Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Quảng Ninh năm 2027**

Thực hiện Quyết định số 1128/QĐ-TTg ngày 24/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tổng thể phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2026-2030; văn bản số 9439/BTC-DNTN ngày 06/7/2026 của Bộ Tài chính về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2027; Quyết định số 3083/QĐ-UBND ngày 21/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Ban hành Chương trình phát triển kinh tế tập thể tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2026-2030. Theo đề nghị của Sở Tài chính tại văn bản số 9446/STC-QLDN ngày 25/8/2026; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2027, cụ thể như sau:

**Phần thứ nhất
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ,
HỢP TÁC XÃ NĂM 2026**

Năm 2026, khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã (KTTT, HTX) trên địa bàn tỉnh tiếp tục duy trì phát triển, góp phần giải quyết các vấn đề xã hội, tạo thêm việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tính đến 15/8/2026, toàn tỉnh có 79 HTX thành lập mới, bằng 63,7% so với cùng kỳ, bằng 105,3% so với kế hoạch năm 2026¹, 07 HTX giải thể. Lũy kế đến hết ngày 15/8/2026, tổng số HTX trên toàn tỉnh là **1.199** HTX, trong đó: HTX nông nghiệp là 866 HTX, chiếm 72,23%; HTX công nghiệp - xây dựng là 57 HTX, chiếm 4,75%; HTX vận tải là 27 HTX, chiếm 2,25%; HTX thương mại, dịch vụ và lĩnh vực khác là 247 HTX, chiếm 20,6%; Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) là 02², chiếm 0,17%. Trong tổng số 1.199 HTX có 831 HTX đang hoạt động có kê khai thuế. Doanh thu bình quân của HTX ước đạt 1.010 triệu đồng/năm; lãi bình quân đạt 345 triệu đồng/năm; doanh thu bình quân 01 QTDND là 7.900 triệu đồng, lãi bình quân là 662,5 triệu đồng/năm. Tổng số thành viên tham gia HTX khoảng trên 60.130 thành viên, thu hút 79.000 lao động; thu nhập bình quân của thành viên, người lao động HTX tương đương 6-7 triệu đồng/người/tháng. Có 02 QTDND trên địa bàn tỉnh có tổng số 2.429 thành viên, trong đó, số thành viên mới gia nhập là 180 thành viên, 10 thành viên rút khỏi. Tổng số lao động làm việc

¹ Kế hoạch năm 2026 thành lập mới 75 HTX.

² Gồm: Quỹ tín dụng nhân dân Hưng Đạo và Quỹ tín dụng nhân dân Mạo Khê.

thường xuyên đồng thời là thành viên tại 02 Quỹ là 20 người. Người lao động thường xuyên tại Quỹ có thu nhập là 21 triệu đồng/người/tháng;

Toàn tỉnh có **173** tổ hợp tác (THT), bằng 100,6% so với cùng kỳ, trong đó: 119 THT hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, chiếm 68,8% và 54 THT phi nông nghiệp, chiếm 31,2%; bằng 86,5% so với kế hoạch năm 2026³. Doanh thu bình quân 01 THT ước đạt 300 triệu đồng/năm; lãi bình quân khoảng 30 triệu đồng/năm. Số thành viên tham gia THT là 601; thu nhập bình quân 01 lao động trong THT đạt trên 4 triệu đồng/người/tháng;

Có **03** liên hiệp hợp tác xã (LHHTX), trong đó có 02 LHHTX nông nghiệp, tổng hợp và 01 LHHTX phi nông nghiệp với tổng vốn đăng ký là 66,1 tỷ đồng. Doanh thu bình quân 3.000 triệu đồng/năm, lãi bình quân là 350 triệu đồng/năm. Có 19 HTX thành viên tham gia LHHTX với tổng số lao động khoảng 500 người.

(Đánh giá chi tiết dựa trên các chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh; theo lĩnh vực và kết quả thi hành pháp luật; chính sách phát triển KTTT, HTX theo Phụ lục I gửi kèm)

Phần thứ hai **KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTTT, HTX NĂM 2027**

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển KTTT, HTX; cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KTTT, HTX năm 2027 phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Chương trình tổng thể phát triển KTTT giai đoạn 2026-2030 và tình hình thực tế của địa phương; tiếp tục triển khai thực hiện Luật HTX năm 2023, các Nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh về phát triển KTTT, HTX.

2. Tập trung củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các THT, HTX, LHHTX; khuyến khích thành lập mới các tổ chức KTTT phù hợp với nhu cầu hợp tác và điều kiện thực tế; nâng cao năng lực quản trị, hiệu quả sản xuất kinh doanh, khả năng liên kết, mở rộng thị trường, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát huy vai trò của KTTT, HTX trong tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống thành viên và đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Việc triển khai Kế hoạch phải bảo đảm thiết thực, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực và điều kiện thực tế của tỉnh; xác định rõ trách nhiệm của các sở, ban, ngành, địa phương và các tổ chức có liên quan; tăng cường phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện. Các chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX phải đúng đối tượng, đúng quy

³ Kế hoạch năm 2026 thành lập mới 200 THT.

định, công khai, minh bạch, tránh dàn trải, gắn với nhu cầu và hiệu quả hoạt động thực tế của tổ chức KTTT, HTX.

II. MỤC TIÊU (*Chi tiết tại các Phụ lục I, II, III, IV, V gửi kèm*).

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức về KTTT, HTX

Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển KTTT, HTX; trọng tâm là Luật HTX năm 2023, các Nghị định, chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền theo hướng thiết thực, phù hợp với từng đối tượng; chú trọng tuyên truyền về bản chất, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của HTX, quyền và lợi ích của thành viên; giới thiệu, phổ biến các mô hình HTX hoạt động hiệu quả, cách làm hay, kinh nghiệm quản trị, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm để tạo sức lan tỏa;

Tăng cường tuyên truyền, vận động thành lập mới THT, HTX, LHHTX phù hợp với nhu cầu hợp tác, điều kiện và lợi thế của từng địa phương, ngành, lĩnh vực; khuyến khích mở rộng thành viên, nâng cao mức độ tham gia và lợi ích của thành viên trong hoạt động của HTX.

2. củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức KTTT, HTX

Tập trung củng cố, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các HTX hiện có; rà soát, phân loại HTX theo tình trạng hoạt động, năng lực và khả năng phát triển để có giải pháp phù hợp đối với từng nhóm. Hỗ trợ các HTX đang hoạt động ổn định tiếp tục phát triển, mở rộng thành viên, nâng cao năng lực quản trị, tổ chức sản xuất, kinh doanh và khả năng phục vụ thành viên; đối với các HTX có tiềm năng nhưng còn khó khăn, tập trung hỗ trợ khắc phục hạn chế, nâng cao năng lực quản trị, xây dựng và tổ chức thực hiện phương án sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường và liên kết chuỗi giá trị;

Đối với các HTX hoạt động cầm chừng, ngừng hoạt động hoặc không còn khả năng hoạt động, thực hiện rà soát, hướng dẫn củng cố, khôi phục hoạt động hoặc tổ chức lại, giải thể theo quy định của pháp luật; tập trung xử lý các HTX tồn tại trên hồ sơ nhưng không còn hoạt động thực tế;

Tổ chức lựa chọn, hỗ trợ và nhân rộng các mô hình HTX hoạt động hiệu quả; ưu tiên các HTX có khả năng phát huy lợi thế của địa phương, tổ chức sản xuất gắn với chuỗi giá trị, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và mang lại lợi ích thiết thực cho thành viên.

3. Triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển KTTT

Tiếp tục tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển KTTT theo quy định của Luật HTX năm 2023, Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ và các văn bản có liên quan; rà soát, tham mưu hoàn thiện cơ chế, chính sách của tỉnh phù hợp với quy định của Trung ương và điều kiện thực tế;

Chủ động lồng ghép, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác để hỗ trợ phát triển KTTT, HTX; ưu tiên lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, đề án về phát triển kinh tế - xã hội, nông nghiệp, nông thôn, OCOP, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, khuyến công, xúc tiến thương mại và các chương trình, dự án khác theo quy định;

Tiếp tục triển khai hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Ninh theo quy định; tăng cường thông tin, hướng dẫn để các HTX đủ điều kiện tiếp cận nguồn vốn tín dụng; khuyến khích các tổ chức tín dụng tạo điều kiện cho HTX tiếp cận vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

4. Phát triển nguồn nhân lực khu vực KTTT

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ quản lý, thành viên và người lao động HTX theo nhu cầu thực tế; tập trung vào các nội dung về quản trị HTX, quản trị tài chính, kế toán, xây dựng và tổ chức thực hiện phương án sản xuất kinh doanh, phát triển thành viên, liên kết chuỗi giá trị, phát triển thị trường, quản trị rủi ro, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số;

Khuyến khích HTX chủ động đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề cho thành viên và người lao động; thu hút nhân lực có trình độ, kinh nghiệm tham gia quản lý, điều hành HTX.

5. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Khuyến khích, hỗ trợ HTX ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm, quản trị nội bộ, kiểm soát chất lượng và phát triển thị trường; ưu tiên các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế của tỉnh và các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP;

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý, kế toán, thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc, thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng số phù hợp với điều kiện hoạt động của HTX;

Hỗ trợ HTX và các tổ chức KTTT trong đăng ký, bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ, xây dựng thương hiệu, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn và các giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm; khuyến khích đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn phù hợp với điều kiện thực tế.

6. Tăng cường liên kết chuỗi giá trị, xúc tiến thương mại và phát triển thị trường

Hỗ trợ HTX nâng cao năng lực tiếp cận và phát triển thị trường; tăng cường kết nối cung - cầu, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, phát triển thương mại điện tử và mở rộng các kênh tiêu thụ sản phẩm;

Khuyến khích và hỗ trợ HTX liên kết với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác và các HTX trong cung ứng vật tư, tổ chức sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản

phẩm; hình thành và phát triển các chuỗi liên kết ổn định, phù hợp với điều kiện thực tế của từng ngành, lĩnh vực và địa phương;

Tập trung hỗ trợ các HTX có sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng của địa phương nâng cao chất lượng, xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường; khuyến khích hình thành các sản phẩm, dịch vụ mới có giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh.

7. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về KTTT, HTX

Kiểm toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về KTTT, HTX; tăng cường phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương trong theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, hỗ trợ hoạt động của các tổ chức KTTT. Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật của HTX theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền; kịp thời phát hiện, hướng dẫn khắc phục các tồn tại, hạn chế về tổ chức, quản trị, tài chính, kế toán, nghĩa vụ thuế, đất đai, chế độ thông tin, báo cáo và các nội dung có liên quan;

Tiếp tục rà soát, cập nhật, làm sạch và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về HTX trên Hệ thống thông tin về đăng ký HTX; bảo đảm thông tin về đăng ký, tình trạng hoạt động, giải thể, thành viên, lao động và các thông tin liên quan được cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời; tăng cường đối chiếu, thống nhất dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã.

8. Tăng cường vai trò, trách nhiệm và nâng cao hiệu quả hoạt động của Liên minh HTX tỉnh

Liên minh HTX tỉnh tiếp tục phát huy vai trò đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức KTTT, HTX; làm cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với khu vực KTTT; tăng cường tuyên truyền, tư vấn, hỗ trợ HTX tiếp cận chính sách, nâng cao năng lực quản trị, phát triển thành viên, liên kết sản xuất, phát triển thị trường, chuyển đổi số và ứng dụng khoa học công nghệ;

Tăng cường đối thoại, nắm bắt tình hình, khó khăn, vướng mắc và kiến nghị của các tổ chức KTTT, HTX; kịp thời tổng hợp, đề xuất cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định.

9. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, các đoàn thể, hội, hiệp hội trong phát triển KTTT

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, các đoàn thể, hội, hiệp hội, tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân, đoàn, hội viên tự nguyện tham gia các THT, HTX, LHHTX. Phối hợp tổ chức vận động, phát triển các loại hình KTTT; phát động những phong trào thi đua, xây dựng và nhân rộng các mô hình HTX hoạt động hiệu quả trong tổ chức hội, đoàn thể.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài chính

Thực hiện chức năng cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể tỉnh; là cơ quan đầu mối tham mưu, tổng hợp, giúp Ủy ban nhân

dân tỉnh theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển KTTT, HTX năm 2027; phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác quản lý nhà nước về KTTT, HTX theo chức năng, nhiệm vụ được giao; tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, đề xuất, kiến nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương và tổ chức KTTT để tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết;

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch định kỳ hoặc đột xuất (*nếu có*); tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của ngân sách tỉnh theo khả năng cân đối ngân sách và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và nội dung Kế hoạch này, chủ động tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển KTTT, HTX thuộc phạm vi quản lý; lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, đề án, nhiệm vụ phát triển ngành, lĩnh vực và các chính sách hỗ trợ có liên quan để hỗ trợ khu vực KTTT, HTX theo quy định;

Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, phối hợp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các tổ chức KTTT, HTX thuộc lĩnh vực quản lý; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về kết quả thực hiện Kế hoạch theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Liên minh Hợp tác xã tỉnh

Chủ động triển khai các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao; tăng cường tuyên truyền, tư vấn, vận động thành lập mới và phát triển thành viên HTX; hỗ trợ các tổ chức KTTT nâng cao năng lực quản trị, xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường, liên kết chuỗi giá trị, chuyển đổi số và ứng dụng khoa học công nghệ;

Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, thành viên và người lao động HTX; chú trọng nội dung thiết thực, phù hợp với nhu cầu của HTX;

Nắm bắt tình hình, tổng hợp khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của các tổ chức KTTT; phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo thẩm quyền;

Phối hợp phát hiện, đề xuất lựa chọn, hỗ trợ và nhân rộng các mô hình HTX hoạt động hiệu quả; tăng cường kết nối HTX với doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, nhà khoa học và các đối tác trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

4. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 6

Hướng dẫn các tổ chức tín dụng trên địa bàn triển khai các giải pháp tín dụng phù hợp, tạo điều kiện để các HTX đủ điều kiện tiếp cận vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật;

Chỉ đạo, giám sát hoạt động của các QTDND trên địa bàn; bảo đảm hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng quy định; tăng cường quản lý chất lượng tín dụng, phòng ngừa và xử lý nợ xấu.

Phối hợp với Sở Tài chính, Liên minh HTX tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tháo gỡ khó khăn về tiếp cận tín dụng cho khu vực KTTT, HTX theo thẩm quyền.

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về KTTT trên địa bàn theo quy định; chủ động triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao;

Rà soát, phân loại tình trạng hoạt động của các tổ chức KTTT trên địa bàn; tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ các HTX hoạt động hiệu quả, có tiềm năng phát triển; đồng thời hướng dẫn củng cố, khôi phục hoạt động hoặc thực hiện tổ chức lại, giải thể đối với các HTX ngừng hoạt động, không còn khả năng hoạt động theo quy định;

Rà soát, cập nhật, chuẩn hóa và làm sạch dữ liệu về HTX trên địa bàn; bảo đảm thống nhất giữa dữ liệu quản lý tại địa phương với Hệ thống thông tin về đăng ký HTX; thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo theo quy định;

Chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành, Liên minh HTX tỉnh trong việc hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các tổ chức KTTT trên địa bàn.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, hội, hiệp hội

Tăng cường tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia phát triển KTTT, HTX; phối hợp phát hiện, xây dựng và nhân rộng các mô hình HTX hoạt động hiệu quả; tham gia giám sát, phản biện xã hội và đề xuất các giải pháp phát triển KTTT, HTX phù hợp với chức năng, nhiệm vụ.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung những nội dung của Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động đề xuất, gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) để tổng hợp, điều chỉnh cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (b/c);
- Liên minh HTX Việt Nam (b/c);
- CT, P1 UBND tỉnh (b/c);
- Các sở: NNMT, XD, CT;
- Liên minh HTX tỉnh;
- Thành viên BCD đổi mới, phát triển KTTT tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- V0, V1, V2, NLN1, 3, TM3;
- Lưu: VT, NLN3 (03b, KH29).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Văn Diện

Phụ lục I:
TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /8/2026 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KTTT, HTX NĂM 2026

1. Đánh giá dựa trên các chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh của THT, HTX, LHHTX

1.1. Về số lượng, doanh thu và thu nhập của THT, HTX, LHHTX

a) Tổ hợp tác

Tính đến 15/8/2026, toàn tỉnh có 173 THT, bằng 100,6% so với cùng kỳ, trong đó: 119 THT hoạt động trong lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp, chiếm 68,8% và 54 THT phi nông nghiệp, chiếm 31,2%; bằng 86,5% so với kế hoạch năm 2026¹.

Doanh thu bình quân 01 THT ước đạt 300 triệu đồng/năm; Lãi bình quân khoảng 30 triệu đồng/năm; đạt mục tiêu Kế hoạch năm 2026.

b) Hợp tác xã

Tính đến 15/8/2026, toàn tỉnh có 79 HTX thành lập mới, bằng 63,7% so với cùng kỳ, bằng 105,3% so với kế hoạch năm 2026², 07 HTX giải thể. Lũy kế đến hết ngày 15/8/2026, tổng số HTX trên toàn tỉnh là 1.199 HTX, trong đó: HTX nông nghiệp là 866 HTX, chiếm 72,23%; HTX công nghiệp - xây dựng là 57 HTX, chiếm 4,75%; HTX vận tải là 27 HTX, chiếm 2,25%; HTX thương mại, dịch vụ và lĩnh vực khác là 247 HTX, chiếm 20,6%; Quỹ tín dụng nhân dân là 02, chiếm 0,17%. Trong tổng số 1.199 HTX có 831 HTX đang hoạt động có kê khai thuế.

Doanh thu bình quân của HTX ước đạt 1.010 triệu đồng/năm; lãi bình quân đạt 345 triệu đồng/năm; đạt mục tiêu kế hoạch năm 2026 về doanh thu bình quân.

c) Liên hiệp hợp tác xã

Tính đến 15/8/2026, toàn tỉnh có 03 LHHTX (không thay đổi so với năm 2025), trong đó có 02 LHHTX nông nghiệp, tổng hợp và 01 LHHTX phi nông nghiệp với tổng vốn đăng ký là 66,1 tỷ đồng. Doanh thu bình quân 3.000 triệu đồng/năm, lãi bình quân là 350 triệu đồng/năm; đạt mục tiêu kế hoạch năm 2026.

d) Quỹ tín dụng nhân dân

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 02 Quỹ tín dụng nhân dân³ (không thay đổi so với năm 2025). Doanh thu bình quân 01 QTDND là 7.900 triệu đồng, lãi bình quân là 662,5 triệu đồng/năm. Hoạt động của 02 QTDND trên địa bàn ổn định, theo đúng tôn chỉ, mục đích mô hình tổ chức tín dụng hợp tác, hỗ trợ các thành viên trên địa bàn phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nâng cao đời sống của người dân, góp phần vào việc xóa đói giảm nghèo, đẩy lùi cho vay nặng lãi và phát triển kinh tế địa phương.

¹ Kế hoạch năm 2026 thành lập mới 200 THT.

² Kế hoạch năm 2026 thành lập mới 75 HTX.

³ Gồm: Quỹ tín dụng nhân dân Hưng Đạo và Quỹ tín dụng nhân dân Mạo Khê.

1.2. Về thành viên, lao động của THT, HTX, LHHTX

a) *Tổ hợp tác*: Toàn tỉnh hiện có 601 thành viên tham gia THT. Thu nhập bình quân 01 lao động trong THT đạt trên 4 triệu đồng/người/tháng.

b) *Hợp tác xã*: Tổng số thành viên tham gia HTX khoảng trên 60.130 thành viên, thu hút 79.000 lao động. Thu nhập bình quân của thành viên, người lao động HTX tương đương 6-7 triệu đồng/người/tháng.

c) *Liên hiệp hợp tác xã*: Toàn tỉnh hiện có 03 LHHTX với 19 thành viên. Tổng số lao động trong LHHTX khoảng 500 người.

d) *Quỹ tín dụng nhân dân*: 02 QTDND trên địa bàn tỉnh có tổng số 2.429 thành viên, trong đó, số thành viên mới gia nhập là 180 thành viên, 10 thành viên rút khỏi. Tổng số lao động làm việc thường xuyên đồng thời là thành viên tại 02 Quỹ là 20 người. Người lao động thường xuyên tại Quỹ có thu nhập là 21 triệu đồng/người/tháng.

1.3. Về trình độ cán bộ quản lý THT, HTX, LHHTX

Tổng số cán bộ quản lý có 7.428 người (Hội đồng quản trị, ban giám đốc, ban kiểm soát). Trong đó cán bộ có trình độ chuyên môn đại học, cao đẳng là 1.795 người; cán bộ có trình độ sơ, trung cấp là 4.710 người. Riêng 02 QTDND có 6/6 cán bộ quản lý đều đạt trình độ cao đẳng, đại học.

2. Đánh giá theo lĩnh vực

2.1. Lĩnh vực nông nghiệp

Hiện nay, toàn tỉnh có 119 THT hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Doanh thu bình quân 01 THT ước đạt 270 triệu đồng/năm, thu nhập trung bình của 01 lao động THT đạt 4-6 triệu đồng/người/tháng. Nhìn chung THT trên địa bàn phát triển ổn định về số lượng nhưng đa dạng hình thức hoạt động, rất phù hợp với nhu cầu của người nông dân, lao động nghèo đặc biệt là ở vùng nông thôn và miền núi, mang tính chất thời vụ hoặc vụ việc, hợp tác với nhau theo hợp đồng hợp tác. Tuy nhiên trên thực tế, nhiều THT hoạt động không thường xuyên, chỉ mang tính mùa vụ tự phát, tổ chức của THT thiếu chặt chẽ, quan hệ hợp tác lỏng lẻo, không đảm bảo tính ổn định, bền vững. Việc theo dõi, đánh giá các hoạt động của THT còn hạn chế.

Trên địa bàn tỉnh có 866 HTX nông nghiệp. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung của các HTX nông nghiệp so với các loại hình kinh tế khác vẫn ở trung bình, doanh thu bình quân của HTX nông nghiệp đạt trung bình 920 triệu đồng/HTX/năm, lãi bình quân 220 triệu đồng/HTX.

Có 02 LHHTX nông nghiệp, tổng hợp gồm LHHTX nông dược Hoàn Bò và LHHTX nông nghiệp Bình Liêu. Tổng số lao động trong LH HTX khoảng 54 người, trong đó tổng số thành viên Liên hiệp khoảng 15 HTX.

Toàn tỉnh có 68 HTX là chủ thể tham gia Chương trình OCOP, trong đó 66 HTX thuộc lĩnh vực nông nghiệp. Các HTX có 131 sản phẩm được công nhận đạt sao, gồm 108 sản phẩm 3 sao và 23 sản phẩm 4 sao; chưa có sản phẩm 5 sao. Có 42 chuỗi liên kết các sản phẩm nông nghiệp dựa trên liên kết doanh nghiệp, tổng

công ty, công ty với HTX, các tổ chức nông dân, nông dân, trong đó có 28 HTX tham gia các chuỗi liên kết.

Có 33 HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc ứng dụng công nghệ kỹ thuật, tập trung phần lớn ở lĩnh vực tổng hợp, số ít hoạt động trong lĩnh vực trồng trọt, thủy sản. Loại hình công nghệ cao áp dụng chủ yếu nhà lưới, nhà màng, công nghệ tưới tiêu nhỏ giọt, bán tự động. Công nghệ các HTX được chuyển giao, sử dụng trong sản xuất, canh tác được nhập tại một số nước (Trung Quốc, Hà Lan, Israel) và tại Việt Nam. Một số HTX tiêu biểu như: HTX nông nghiệp Hương Việt áp dụng hệ thống tưới nhỏ giọt của Israel, HTX dịch vụ và TMSXKD Thành Lợi sử dụng dây chuyền máy ấp trứng để sản xuất giống, HTX SXKD DVNN Ngọc Linh áp dụng công nghệ nhà lưới tưới phun sương...;

Về thúc đẩy chuyển đổi số: Duy trì cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về HTX nông nghiệp; hướng dẫn HTX ứng dụng phần mềm quản trị, mã QR, truy xuất nguồn gốc, thanh toán không dùng tiền mặt và thương mại điện tử. Việc ứng dụng đã có chuyển biến nhưng còn phân tán, chủ yếu ở nhóm HTX có sản phẩm OCOP; năng lực vận hành nền tảng số và chất lượng dữ liệu chưa đồng đều.

2.2. Lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Toàn tỉnh hiện có 35 THT hoạt động lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; doanh thu bình quân 01 THT đạt khoảng 280 triệu đồng/năm; thu nhập bình quân đạt khoảng 5,5 triệu đồng/người/tháng;

Có 40 HTX hoạt động lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp; doanh thu bình quân của HTX đạt từ 900-920 triệu đồng/năm; thu nhập bình quân/thành viên, lao động của HTX khoảng 06 triệu đồng/người/tháng. Các THT, HTX trên địa bàn tỉnh phát triển ổn định, đa dạng hoá về hình thức hoạt động, một số hoạt động sản xuất kinh doanh tốt, phù hợp với phù hợp với người nông dân, lao động thuộc vùng nông thôn và miền núi của tỉnh.

2.3. Lĩnh vực vận tải

Số HTX hoạt động trong lĩnh vực vận tải là 27 HTX, trong đó, 23 HTX vận tải đường bộ và 04 HTX vận tải đường thủy. Tổng số phương tiện đang hoạt động là 3.418 phương tiện; trong đó, trong năm 2026, số lượng phương tiện mới đăng ký hoạt động là 2.143 phương tiện, số lượng phương tiện ngừng hoạt động là 293 phương tiện.

Đến nay, 100% các HTX vận tải trên địa bàn tỉnh đã thực hiện áp dụng hóa đơn điện tử trong hoạt động tài chính, kế toán. Có 06 HTX đã triển khai sử dụng chữ ký số và hệ thống lệnh vận chuyển điện tử trong công tác quản lý chuyên ngành. Có 04 HTX hoàn thành việc ứng dụng khoa học công nghệ vào công tác điều hành giao thông vận tải thông qua các phần mềm ứng dụng chuyên dụng (App) nhằm tối ưu hóa việc kết nối với hành khách, hỗ trợ đặt dịch vụ và điều động phương tiện.

2.4. Lĩnh vực thương mại, dịch vụ

Số HTX hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ là 120 HTX. HTX hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau, như: Thương mại dịch vụ, vệ sinh môi trường, kinh doanh chợ và các dịch vụ tổng hợp khác;

Phần lớn các HTX vẫn có quy mô nhỏ, chất lượng hàng hoá, dịch vụ chưa cao; vốn sản xuất kinh doanh ít, nộp ngân sách còn thấp. Số HTX hoạt động hiệu quả tập trung chủ yếu tại một số địa phương lớn. Các địa phương khác mặc dù có số lượng HTX lớn nhưng đa phần hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Một số HTX hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ vệ sinh môi trường đã được UBND các xã hợp đồng dịch vụ thu gom xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường, cảnh quan trên địa bàn các xã.

2.5. Lĩnh vực tín dụng

Trên địa bàn tỉnh có 02 QTDND Hưng Đạo và Mạo Khê hoạt động cơ bản an toàn, hiệu quả và đảm bảo tôn chỉ, mục đích, hỗ trợ cho các thành viên trên địa bàn phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao đời sống, góp phần vào phát triển kinh tế địa phương và hạn chế, đẩy lùi tín dụng đen trên địa bàn;

Tổng nguồn vốn hoạt động là 179 tỷ đồng (bình quân: 89,5 tỷ đồng/quỹ), giảm 0,2 tỷ đồng (-0,12%) so với 31/12/2025. Trong đó: vốn điều lệ là 12,3 tỷ đồng (bình quân: 6,15 tỷ đồng/quỹ), bằng 6,87% tổng nguồn vốn. Vốn và các quỹ là 14,8 tỷ đồng, bình quân 7,4 tỷ đồng/quỹ, chiếm 8,27% tổng nguồn vốn. Nguồn vốn huy động tiền gửi tiết kiệm là 151,9 tỷ đồng (bình quân: 75,95 tỷ đồng/quỹ), bằng 84,86% tổng nguồn vốn, tăng 2,3 tỷ đồng (+1,53%) so với 31/12/2025. Tổng dư nợ cho vay là 126,7 tỷ đồng (bình quân: 63,37 tỷ đồng/quỹ), bằng 70,81% tổng nguồn vốn hoạt động, giảm 3,6 tỷ đồng (-2,77%) so với 31/12/2025. Trong đó: Dư nợ cho vay ngắn hạn 52,3 tỷ đồng, chiếm 41,27% tổng dư nợ; Dư nợ cho vay trung hạn 74,4 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 58,73%; Nợ xấu là 1,07 tỷ đồng (bình quân: 0,53 tỷ đồng/quỹ), chiếm 0,84% tổng dư nợ. Chênh lệch thu nhập lớn hơn chi phí là 0,67 tỷ đồng (bình quân: 0,34 triệu đồng/quỹ), 2/2 quỹ có hoạt động kinh doanh có lãi.

Các QTDND trên địa bàn hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động, thực hiện mục tiêu là tương trợ cộng đồng giữa các thành viên. QTDND là địa chỉ tin cậy để người dân gửi tiền tiết kiệm; hỗ trợ thành viên vay vốn để phát triển kinh tế như trồng trọt, chăn nuôi, mua sắm thiết bị, máy móc, nhà xưởng, mở cửa hàng kinh doanh, ô tô vận tải, phục vụ nhu cầu đời sống, tiêu dùng... Với lợi thế gần dân, hiểu rõ nhu cầu, khả năng kinh doanh, tài chính của từng hộ vay nên các QTDND tiến hành thủ tục cho vay vốn nhanh gọn, hiệu quả, chi phí thấp, đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng, sâu sát được khoản vay, đảm bảo khách hàng sử dụng vốn vay đúng mục đích. Nhiều thành viên vay vốn và sử dụng vốn vay có hiệu quả, đã cải thiện đời sống đáng kể, tạo thu nhập.

3. Đánh giá tác động của THT, HTX, LHHTX tới thành viên, kinh tế hộ thành viên

3.1. Về kinh tế

THT, HTX, LHHTX giúp các thành viên liên kết, tập hợp nguồn lực, nâng cao quy mô sản xuất và kinh doanh, từ đó đạt hiệu quả kinh tế cao hơn so với hoạt động đơn lẻ; Thông qua việc hợp tác mua nguyên liệu đầu vào với giá ưu đãi và bán sản phẩm đầu ra với giá tốt hơn, giúp tăng thu nhập cho các hộ thành viên; THT, HTX, LHHTX tạo điều kiện cho các thành viên tiếp cận các thị trường tiêu thụ lớn, ổn định, giúp tiêu thụ sản phẩm nông sản, hàng hóa một cách hiệu quả; Hợp tác trong THT, HTX, LHHTX giúp các hộ thành viên chia sẻ rủi ro trong sản xuất và kinh doanh, đảm bảo ổn định sản xuất và đời sống;

Hoạt động của 02 QTDND trên địa bàn tỉnh đã góp phần hỗ trợ cho các thành viên phát triển sản xuất kinh doanh, cải thiện đời sống, tạo thu nhập cho thành viên, đẩy lùi tình trạng cho vay nặng lãi; góp phần phát triển kinh tế địa phương đặc biệt ở địa bàn nông nghiệp, nông thôn.

3.2. Về văn hóa

THT, HTX, LHHTX tác động tích cực đến văn hóa thông qua việc xây dựng tinh thần hợp tác, đoàn kết và nâng cao nhận thức về trách nhiệm cộng đồng cho thành viên kinh tế hộ. Bên cạnh đó tại mô hình HTX toàn xã (hiện còn 34 HTX) có quỹ phúc lợi nên các hoạt động thăm hỏi các thành viên được duy trì khá tốt, đã giúp đỡ, chia sẻ những khó khăn về kinh tế của thành viên HTX; góp phần nâng cao giá trị ý thức chia sẻ của cộng đồng và xã hội.

3.3. Về chính trị

THT, HTX, LHHTX giúp thành viên có tiếng nói mạnh mẽ hơn trong việc tham gia các quyết định về kinh tế, chính sách của địa phương, từ đó nâng cao vai trò và sự tham gia của họ vào đời sống chính trị.

3.4. Về xã hội

Hoạt động của THT, HTX, LHHTX góp phần tạo thêm việc làm mới, nâng cao thu nhập, giúp giảm nghèo bền vững; THT, HTX, LHHTX không chỉ chú trọng sản xuất kinh doanh mà còn quan tâm đến việc nâng cao trình độ văn hóa, kỹ năng cho thành viên, qua đó cải thiện đời sống tinh thần cho cộng đồng; là tổ chức kinh tế do người lao động tự nguyện lập ra, phát huy được sức mạnh của tập thể, xây dựng sự đoàn kết, tương trợ lẫn nhau;

Khu vực KTTT, HTX là kênh huy động các nguồn lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển ngành nghề, đóng góp tích cực vào Chương trình xây dựng nông thôn mới, Chương trình “Mỗi xã, phường 1 sản phẩm” (OCOP) của tỉnh. Nhiều HTX đã quan tâm hỗ trợ cho thành viên HTX khi gặp khó khăn, đóng góp tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội, nhất là khu vực nông nghiệp, nông thôn; góp phần xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, ổn định an ninh trật tự, an toàn xã hội.

4. Đánh giá tình hình liên kết giữa tổ chức KTTT, HTX với các thành phần kinh tế khác và một số mô hình hoạt động hiệu quả theo phương thức sản xuất gắn với chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao

Các mô hình liên kết giữa HTX với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu tập trung trong lĩnh vực nông nghiệp. Thông qua việc ký kết hợp đồng liên kết

sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, nhiều HTX đã từng bước hình thành các chuỗi giá trị từ cung ứng vật tư đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm. Một số mô hình tiêu biểu như:

4.1. Lĩnh vực nông nghiệp

- HTX trồng trọt và chăn nuôi: HTX Hoa Bình Liêu ứng dụng công nghệ cao, nhà màng, nhà kính hiện đại trồng hoa lan, hoa cao cấp; HTX nông nghiệp chất lượng cao Hoa Phong (Đông Triều) nổi bật sản xuất giống nếp cái hoa vàng... Các sản phẩm đặc trưng vùng miền như: Ba kích Ba Chẽ, Trà hoa vàng đều được HTX trực tiếp sản xuất, xây dựng thành các sản phẩm OCOP 3 đến 5 sao⁴, qua đó khẳng định vai trò của các HTX trong việc hoàn thiện quy trình sản xuất, đưa sản vật, đặc sản thành sản phẩm thương hiệu mang bản sắc văn hóa địa phương Quảng Ninh. Các HTX nuôi gà Tiên Yên và 03 HTX Vạn Thành Phát, HTX nông nghiệp hữu cơ An Lộc, HTX sản xuất thực phẩm an toàn và DVTM nông lâm nghiệp Hoàng Nam (Móng Cái) tập trung vào tiêu chuẩn hữu cơ Nhật Bản và quy trình chăn nuôi an toàn sinh học với giống lợn Móng Cái quý hiếm;

- Chuỗi các HTX liên kết chuỗi kinh tế biển: HTX nuôi tôm công nghệ cao Cẩm Phả⁵; các HTX nuôi biển ứng dụng mô hình lồng nuôi kỹ thuật cao HDPE, quy trình canh tác đa canh, đa tầng (nuôi mặt, nuôi treo, nuôi đáy) nhằm tăng năng suất và tái tạo môi trường nuôi trồng cộng sinh đã hình thành nên các cụm công nghiệp sản xuất tập trung như HTX NTTS Hướng Dương và HTX NTTS Phúc Nam tại Đảo Ông Cù khu vực Cẩm Phả.

4.2. Lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, vận tải, môi trường

HTX vận tải Ka Long mở thêm các luồng, tuyến mới (các tuyến vận tải biển Hạ Long - Cô Tô, Hạ Long - Quan Lạn, Ngọc Vũng...); HTX Đông Thành (Hạ Long) liên kết với doanh nghiệp đầu tư xây dựng trụ sở, liên kết giới thiệu sản phẩm, hàng hóa dịch vụ với phương châm lấy thành viên làm gốc;

HTX Green Life Hạ Long hiện đã tái chế thành công rác thải nhựa đã qua sử dụng, tạo thành những sản phẩm hữu dụng phục vụ cho cuộc sống hằng ngày, góp phần đáng kể vào việc giảm thiểu rác thải nhựa ra môi trường sống; tạo ra việc làm cho hàng chục lao động, chủ yếu là chị em phụ nữ. HTX hiện mở cửa đón khách đến tham quan, trải nghiệm, tự tay làm ra những sản phẩm từ các vật liệu tái chế.

4.3. Lĩnh vực du lịch, thương mại và dịch vụ tổng hợp

Việc liên kết giữa các HTX phát triển du lịch cộng đồng đang được đẩy mạnh, tạo nên một môi trường sản xuất nuôi trồng hiện đại, sạch, thân thiện môi trường, tạo ra các trải nghiệm độc đáo, an toàn trên vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long và các vùng biển đẹp Cô Tô, Đàm Hà, Hải Hà... của tỉnh. Điển hình như các

⁴ HTX trà hoa vàng Quy Hoa kết hợp Cty TNHH Quy Hoa có sản phẩm trà hoa vàng OCOP 5 sao; HTX chăn nuôi HTX Tiên Yên có sản phẩm gà OCOP 4 sao; HTX KD lâm sản ngoài gỗ Ba Chẽ có sản phẩm Trà hoa vàng 5 sao, Rượu ba kích 4 sao OCOP...

⁵ HTX xây dựng khu nuôi tôm hiện đại, sản lượng nuôi gấp 20 lần so với nuôi thông thường, cung cấp ra thị trường khoảng 45 tấn tôm/tháng.

HTX du lịch dịch vụ trải nghiệm Thành Thuận, HTX Biển Mơ, HTX vận tải Thủy Thịnh...

II. KẾT QUẢ THI HÀNH PHÁP LUẬT VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KTTT, HTX

1. Kết quả thi hành pháp luật và các văn bản về KTTT, HTX

Công tác tuyên truyền, phổ biến Luật HTX năm 2023, các Nghị định, chương trình, kế hoạch, văn bản về KTTT, HTX được các sở, ban, ngành, địa phương thuộc tỉnh triển khai một cách chủ động, đa dạng về hình thức;

Báo và Phát thanh truyền hình tích cực triển khai công tác tuyên truyền về KTTT, đồng bộ trên các hạ tầng phát thanh, truyền hình, báo in, báo điện tử và các nền tảng mạng xã hội. Công tác thông tin, tuyên truyền được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, thông qua nhiều hình thức đa dạng, như: đưa tin, sản xuất bài, phóng sự, chương trình, chuyên đề, chuyên mục... Trong 8 tháng đầu năm 2026, Báo và Phát thanh truyền hình đã sản xuất, phát sóng, đăng tải trên 130 lượt tin, bài, chuyên đề, chương trình phát thanh, truyền hình, báo in, báo điện tử tuyên truyền về phát triển KTTT. Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh đã lồng ghép tuyên truyền về phát triển KTTT trong các hội nghị dành cho đồng bào dân tộc thiểu số; tổ chức các lớp tập huấn nâng cao nhận thức về phát triển KTTT, HTX, chuyển đổi số, phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị cho các đại biểu là người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số. Hội Nông dân tỉnh tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền thông qua sinh hoạt chi Hội, tổ Hội, chi Hội nông dân nghề nghiệp, tổ Hội nông dân nghề nghiệp; các hội nghị, lớp tập huấn, chương trình tư vấn, hỗ trợ nông dân; các phong trào thi đua và cuộc vận động do Hội phát động. Trong 8 tháng đầu năm, các cấp Hội đã tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng cho trên 50.000 lượt cán bộ, hội viên, nông dân; đăng tải hơn 200 tin trên fanpage Hội Nông dân tỉnh; 37 tin, bài trên Cổng thông tin điện tử Hội Nông dân tỉnh, Báo Nông thôn ngày nay/Dân Việt. Liên minh HTX tỉnh tích cực đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tư vấn thực hiện Luật HTX năm 2023 và các văn bản liên quan; vận động thành lập mới HTX theo đúng nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Luật HTX năm 2023, gắn với xây dựng mô hình HTX kiểu mới; tăng cường tuyên truyền, phổ biến các mô hình HTX tiêu biểu, hoạt động hiệu quả; nhân rộng điển hình tiên tiến để tạo động lực lan tỏa trong cộng đồng.

2. Công tác quản lý nhà nước về KTTT, HTX

Để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tỉnh Quảng Ninh đã kiện toàn Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể tỉnh theo Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 29/01/2026; ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban Chỉ đạo tại Quyết định số 48/QĐ-BCĐ ngày 28/3/2026. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về KTTT, HTX; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 6 thực hiện tốt công tác quản lý, chấn chỉnh, củng cố an toàn hoạt động của các QTDND. UBND cấp xã thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với HTX trên địa bàn theo phân cấp; tổ chức rà soát, làm sạch dữ liệu về HTX trên Hệ thống thông tin về đăng ký HTX.

3. Kết quả triển khai chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX

3.1. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực

Theo Quyết định số 4869/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2026; Sở Nông nghiệp và Môi trường dự kiến tổ chức 03 lớp bồi dưỡng, tập huấn thành viên, người lao động HTX nông nghiệp cho 75 người tại các địa phương Đầm Hà, Bình Liêu và Vân Đồn. Liên minh HTX tỉnh đã ban hành kế hoạch tổ chức 11 lớp, với 300 học viên là cán bộ quản lý các HTX trên địa bàn toàn tỉnh, dự kiến tổ chức bắt đầu từ tháng 9/2026. Nội dung bồi dưỡng, tập huấn theo từng đối tượng và được cập nhật phù hợp với yêu cầu đổi mới quản lý HTX⁶.

3.3. Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường

Tỉnh đã chỉ đạo triển khai đồng bộ, hiệu quả các hoạt động hỗ trợ khu vực KTTT, HTX xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, tiêu thụ sản phẩm. Xác nhận đăng ký tổ chức 10 hội chợ, triển lãm thương mại; thông tin, kết nối HTX tham gia 21 chương trình xúc tiến thương mại trong và ngoài nước; tổ chức Khu gian hàng quảng bá sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng, tiêu biểu của tỉnh tại Hội chợ Thương mại Việt Nam - Lào (VIETLAO EXPO 2026). Kết nối đưa trên 82 sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu vào hệ thống phân phối hiện đại (siêu thị, cửa hàng tiện lợi) và các điểm phân phối trong, ngoài tỉnh. Tổ chức 06 hội nghị tập huấn cho các HTX, THT về an toàn thực phẩm, quản trị kinh doanh, văn minh thương mại gắn với phát triển thương hiệu, thương mại điện tử.

3.4. Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Đẩy mạnh hỗ trợ HTX và các chủ thể OCOP trong đăng ký, bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ; hướng dẫn xác lập quyền sở hữu công nghiệp, gia hạn văn bằng bảo hộ, truy xuất nguồn gốc, áp dụng tiêu chuẩn đo lường chất lượng và chuyển đổi số. Đồng thời, đưa vào vận hành Trang thông tin về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; duy trì Trạm IP Platform Quảng Ninh hỗ trợ tra cứu, khai thác thông tin sở hữu công nghiệp, hỗ trợ đề xuất các giải pháp phát triển tài sản trí tuệ cho khu vực KTTT.

3.5. Chính sách về tiếp cận vốn

Tỉnh Quảng Ninh đã bố trí kinh phí uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để hỗ trợ tín dụng phát triển HTX với tổng số tiền là 15.616 triệu đồng⁷. Trong 8 tháng đầu năm 2026, Ngân hàng Chính sách xã hội đã thu hồi nợ 4.685 tỷ đồng. Đến 15/8/2026 dư nợ đạt 2.293 triệu đồng tại 03 HTX.

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 6 tiếp tục chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về tiền tệ, tín dụng

⁶ Các quy định mới của pháp luật về KTTT, HTX; kỹ năng quản trị, điều hành và xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh; tổ chức liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm; tiếp cận chính sách hỗ trợ; ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc và phát triển thị trường; phát triển nông nghiệp sinh thái gắn với kinh tế tuần hoàn và du lịch; kỹ năng huy động và kiểm soát vốn.

⁷ Trong đó vốn ngân sách tỉnh cấp 15.000 triệu đồng; lãi phân bổ nhập nguồn vốn 616 triệu đồng.

và hoạt động ngân hàng hỗ trợ phát triển các tổ chức KTTT tại Quyết định số 319/QĐ-NHNN ngày 14/3/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Đến 15/8/2026 có 09 chi nhánh thực hiện cho vay đối với HTX, với 16 HTX còn dư nợ với tổng số tiền là 19,4 tỷ đồng. Trong đó, có 09 HTX nông nghiệp với dư nợ 16,5 tỷ đồng chiếm 85% dư nợ cho vay HTX.

Phụ lục II:
MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỤ THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ NĂM 2027
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /8/2026 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Thành lập mới Hợp tác xã	HTX	75	UBND các xã, phường, đặc khu	Các sở: TC, NNMT, CT, XD; Liên minh HTX tỉnh
2	Thành lập mới Tổ hợp tác	THT	05	UBND các xã, phường, đặc khu	Các sở: TC, NNMT, CT, XD; Liên minh HTX tỉnh
3	Doanh thu bình quân của một HTX	Triệu đồng/năm	1.100	Các HTX	UBND các xã, phường, đặc khu; Liên minh HTX tỉnh
4	Lãi bình quân một HTX	Triệu đồng/năm	360	Các HTX	Liên minh HTX tỉnh UBND các xã, phường, đặc khu;
5	Thu nhập bình quân của người lao động trong HTX	Triệu đồng/năm	85	Các HTX	Liên minh HTX tỉnh UBND các xã, phường, đặc khu;
6	Tỷ lệ cán bộ quản lý HTX có trình độ đại học, cao đẳng	%	25	Các HTX	Sở GDĐT; Liên minh HTX tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu
7	Tỷ lệ cán bộ quản lý HTX có trình độ sơ cấp, trung cấp	%	65	Các HTX	Sở GDĐT; Liên minh HTX tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu
8	Bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn	Lượt cán bộ	400-450	Sở NNMT; Liên minh HTX tỉnh	UBND các xã, phường, đặc khu
9	Tổ chức KTTT được phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước	%	100	UBND các xã, phường, đặc khu	Các sở, ngành có liên quan
10	Duy trì, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX; rà soát, phân loại và xử lý các HTX ngừng hoạt động, chờ giải thể theo quy định	%	100	UBND các xã, phường, đặc khu	Các sở, ngành có liên quan

**Phụ lục III: TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ
NĂM 2026 VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ NĂM 2027**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /8/2026 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Kế hoạch năm 2027	Ghi chú
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm		
I	Hợp tác xã						
1	Tổng số hợp tác xã	HTX	1.241	1.300	1.235 ¹	1.300	
	<i>Trong đó:</i>						
-	Số hợp tác xã đang hoạt động	HTX	815	865	840	850	
-	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX	206	75	110	75	
-	Số hợp tác xã giải thể	HTX					
-	Số hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và tiêu thụ nông sản	HTX	32	50	33	35	
-	Số hợp tác xã nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị	HTX	28	35	28	30	
-	Số hợp tác xã thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần	HTX					
-	Số hợp tác xã có thành viên là doanh nghiệp	HTX					
-	Số hợp tác xã có thành viên là người nước ngoài	HTX					
-	Số xã đạt chuẩn tiêu chí số 3.6 về Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả (thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới)	Xã	22	22	22	22	
2	Tổng số thành viên hợp tác xã	Người	59.700	59.880	60.090	60.280	
	<i>Trong đó:</i>						
-	Số thành viên mới	Thành viên	1.520	1.414	815	850	
-	Số thành viên ra khỏi hợp tác xã	Thành viên	350	350	410	610	
3	Tổng số lao động thường xuyên trong hợp tác xã	Người	73.600	82.000	79.000	81.000	
	<i>Trong đó:</i>						
-	Số lao động thường xuyên mới	Người	49.000	50.600	50.850	51.500	
-	Số lao động thường xuyên là thành viên hợp tác xã	Người	44.500	45.000	46.000	47.300	
4	Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã	Người	7.440	7.500	7.428	7.485	
	<i>Trong đó:</i>						

¹ Số lượng HTX giảm so với thời điểm 31/12/2025 do thực hiện chỉ đạo của Bộ Tài chính và UBND tỉnh về rà soát, chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu HTX trên địa bàn tỉnh. Qua rà soát, các địa phương đã cập nhật tình trạng hoạt động thực tế của các HTX, phân loại các HTX ngừng hoạt động kéo dài, không còn hoạt động thực tế, không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định, người đại diện theo pháp luật không còn liên lạc được hoặc thuộc diện chờ giải thể, qua đó bảo đảm số liệu quản lý phản ánh đúng thực trạng khu vực KTTT trên địa bàn tỉnh.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Kế hoạch năm 2027	Ghi chú
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm		
-	Số cán bộ quản lý hợp tác xã đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người	4.700	5.300	4.710	4.780	
-	Số cán bộ quản lý hợp tác xã đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người	1.800	2.200	1.795	1.820	
5	Doanh thu bình quân một hợp tác xã	Tr đồng/năm	920	950	1.010	1.100	
-	Trong đó: Doanh thu của hợp tác xã với thành viên	Tr đồng/năm					
6	Lãi bình quân một hợp tác xã	Tr đồng/năm	300	370	345	360	
7	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong hợp tác xã	Tr đồng/năm	72	80	80	85	
II	Liên hiệp hợp tác xã						
1	Tổng số liên hiệp hợp tác xã	LH HTX	3	3	3	3	
	<i>Trong đó:</i>						
-	Số liên hiệp hợp tác xã đang hoạt động	LH HTX	3	3	3	3	
-	Số liên hiệp hợp tác xã thành lập mới	LH HTX					
-	Số liên hiệp hợp tác xã giải thể	LH HTX					
-	Số liên hiệp hợp tác xã thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần	LH HTX					
2	Tổng số hợp tác xã thành viên	HTX	13	15	19	19	
3	Tổng số lao động trong liên hiệp hợp tác xã	Người	500	500	500	500	
4	Doanh thu bình quân của một liên hiệp hợp tác xã	Tr đồng/năm	3.000	3.000	3.000	3.300	
5	Lãi bình quân của một liên hiệp hợp tác xã	Tr đồng/năm	300	350	350	385	
III	Tổ hợp tác						
1	Tổng số tổ hợp tác	THT	172	200	173	178	
	<i>Trong đó:</i>						
-	Số THT có đăng ký hoạt động với cơ quan đăng ký kinh doanh	THT					
2	Tổng số thành viên tổ hợp tác	Thành viên	598	628	601	615	
	<i>Trong đó:</i>						
-	Số thành viên mới thu hút	Thành viên					
3	Doanh thu bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng/năm	300	300	300	300	
4	Lãi bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng/năm	30	30	30	30	

Phụ lục IV:
SỐ LƯỢNG HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC
PHÂN LOẠI THEO NGÀNH NGHỀ NĂM 2026 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2027
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /8/2026 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Kế hoạch năm 2027	Ghi chú
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm		
1	HỢP TÁC XÃ						
	Tổng số hợp tác xã	HTX	1.241	1.300	1.235	1.300	
	Chia ra:						
	Hợp tác xã nông nghiệp	HTX	951	936	880	900	
	Hợp tác xã công nghiệp - xây dựng	HTX	57	93	57	60	
	Hợp tác xã tài chính, ngân hàng và bảo hiểm		2	2	2	2	
	Hợp tác xã thương mại - dịch vụ và khác	HTX	231	269	296	338	
2	LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ						
	Tổng số liên hiệp hợp tác xã	LHHTX	3	3	3	3	
	Chia ra:						
	Liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp	LHHTX	2	2	2	2	
	Liên hiệp hợp tác xã công nghiệp - xây dựng	LHHTX					
	Liên hiệp hợp tác xã tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	LHHTX					
	Liên hiệp hợp tác xã thương mại - dịch vụ và khác	LHHTX	1	1	1	1	
3	TỔ HỢP TÁC						
	Tổng số tổ hợp tác	THT	172	180	173	178	
	Chia ra:						
	Tổ hợp tác nông nghiệp	THT	118	165	119	120	
	Tổ hợp tác phi nông nghiệp	THT	54	15	54	58	

**Phụ lục V: TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ
PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ NĂM 2026 VÀ KẾ HOẠCH
HỖ TRỢ KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ NĂM 2027**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /8/2026 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2026		Kế hoạch 2027		Ghi chú
			Kế hoạch	Ước TH cả năm	Ngân sách TW	Ngân sách địa phương	
I	HỖ TRỢ CHUNG ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC KTTT						
1	Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực						
	- Đào tạo	Người					
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng					
	Trong đó						
	Ngân sách trung ương	Tr đồng					
	Ngân sách địa phương	Tr đồng					
	Nguồn vốn khác	Tr đồng					
	- Bồi dưỡng	Người	600	375		425	
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	1.110	1.068		1.155	
	Trong đó						
	Ngân sách trung ương	Tr đồng					
	Ngân sách địa phương	Tr đồng	1.110	1.068		1.155	
	Nguồn vốn khác	Tr đồng					
	- Hỗ trợ kinh phí biên soạn, xây dựng, phát hành chương trình, giáo trình.						
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng					
	Trong đó						
	Ngân sách trung ương	Tr đồng					
	Ngân sách địa phương	Tr đồng					
	Nguồn vốn khác	Tr đồng					
	- Hỗ trợ lao động tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học về làm việc tại các tổ chức KTTT	Người					
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng					
	Ngân sách trung ương	Tr đồng					
	Ngân sách địa phương	Tr đồng					
	Nguồn vốn khác	Tr đồng					

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2026		Kế hoạch 2027		Ghi chú
			Kế hoạch	Ước TH cả năm	Ngân sách TW	Ngân sách địa phương	
	Xây dựng và triển khai các chương trình truyền thông						
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	269	256		595	
	Trong đó						
	Ngân sách trung ương	Tr đồng					
	Ngân sách địa phương	Tr đồng	269	256		595	
	Nguồn vốn khác	Tr đồng					
2	Hỗ trợ thông tin						
	- Số THT, HTX, LHHTX được hỗ trợ						
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng					
	Trong đó						
	Ngân sách trung ương	Tr đồng					
	Ngân sách địa phương	Tr đồng					
	Nguồn vốn khác	Tr đồng					
3	Hỗ trợ xây dựng mạng lưới cung cấp dịch vụ tư vấn						
	- Số THT, HTX, LHHTX, cá nhân, tổ chức được hỗ trợ						
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng					
	Trong đó						
	Ngân sách trung ương	Tr đồng					
	Ngân sách địa phương	Tr đồng					
	Nguồn vốn khác	Tr đồng					
4	Hỗ trợ nhân rộng mô hình HTX, LH HTX hoạt động hiệu quả						
	- Số THT, HTX, LHHTX được hỗ trợ						
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng					
	Trong đó						
	Ngân sách trung ương	Tr đồng					
	Ngân sách địa phương	Tr đồng					
	Nguồn vốn khác	Tr đồng					
5	Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số						
	- Số THT, HTX, LHHTX được hỗ trợ						
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng					
	Trong đó						
	Ngân sách trung ương	Tr đồng					
	Ngân sách địa phương	Tr đồng					
	Nguồn vốn khác	Tr đồng					

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2026		Kế hoạch 2027		Ghi chú
			Kế hoạch	Ước TH cả năm	Ngân sách TW	Ngân sách địa phương	
6	Hỗ trợ tiếp cận và nghiên cứu thị trường						
	- Số THT, HTX, LHHTX được hỗ trợ		20	20		30	
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	280	266		500	
	Trong đó						
	Ngân sách Trung ương	Tr đồng					
	Ngân sách địa phương	Tr đồng	280	266		500	
	Nguồn vốn khác	Tr đồng					
7	Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng						
	- Số THT, HTX, LHHTX được hỗ trợ						
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng					
	Trong đó						
	Ngân sách trung ương	Tr đồng					
	Ngân sách địa phương	Tr đồng					
	Nguồn vốn khác	Tr đồng					
8	Chuyển giao công trình kết cấu hạ tầng, công trình công cộng và cơ sở hạ tầng khác của Nhà nước						
	- Số THT, HTX, LHHTX được hỗ trợ						
	Tổng giá trị tài sản được chuyển giao	Tr đồng					
9	Hỗ trợ tư vấn tài chính và đánh giá rủi ro						
	- Số THT, HTX, LHHTX được hỗ trợ					10	
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng				500	
	Trong đó						
	Ngân sách trung ương	Tr đồng					
	Ngân sách địa phương	Tr đồng				500	
	Nguồn vốn khác	Tr đồng					
II	HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP						
1	Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng						
	- Số THT, HTX, LHHTX được hỗ trợ						
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng					
	Trong đó						
	Ngân sách trung ương	Tr đồng					
	Ngân sách địa phương	Tr đồng					
	Nguồn vốn khác	Tr đồng					

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2026		Kế hoạch 2027		Ghi chú
			Kế hoạch	Ước TH cả năm	Ngân sách TW	Ngân sách địa phương	
2	Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh						
	- Số THT, HTX, LHHTX được hỗ trợ	HTX					
	Tổng kinh phí được hỗ trợ	Tr đồng					
	Trong đó						
	Ngân sách trung ương	Tr đồng					
	Ngân sách địa phương	Tr đồng					
	Nguồn vốn khác	Tr đồng					